

Số: /TB-ĐHGTVT

Hà Nội, ngày tháng 12 năm 2025

## THÔNG BÁO

### Kết quả thi tuyển sinh trình độ thạc sĩ đợt 2 năm 2025

Thực hiện Thông báo số 590/TB-ĐHGTVT ngày 05/8/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Giao thông vận tải về việc tuyển sinh trình độ thạc sĩ đợt 2 năm 2025, Trường Đại học Giao thông vận tải đã tổ chức kỳ thi tuyển sinh trình độ thạc sĩ đợt 2 năm 2025 vào ngày 06/12/2025, số liệu cụ thể:

- Số lượng thí sinh đăng ký dự thi 46 thí sinh, trong đó:
  - + Hà Nội: 38 thí sinh;
  - + Phân hiệu tại TP.HCM: 08 thí sinh.
- Số lượng thí sinh dự thi đủ các môn quy định 46 thí sinh, trong đó:
  - + Hà Nội: 38 thí sinh;
  - + Phân hiệu tại TP.HCM: 08 thí sinh.

Kết quả điểm thi từng môn như danh sách đính kèm./.

**Nơi nhận:**

- Ban Giám hiệu (để b/c);
- Các thí sinh;
- Lưu: HCTH, KT&KĐCLĐT (2).

**KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

**PGS.TS. Lê Hoài Đức**

# KẾT QUẢ THI TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ ĐỢT 2 NĂM 2025

Thi tuyển ngày 06/12/2025

(Kèm theo Thông báo số

/TB-ĐHGTVT ngày

/12/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học GTVT)

| TT                    | Số báo danh | Họ và tên          | Ngày sinh  | Giới tính | Nơi sinh  | Ngành đăng ký thi tuyển                 | Định hướng | Điểm Toán | Điểm Chủ chốt |
|-----------------------|-------------|--------------------|------------|-----------|-----------|-----------------------------------------|------------|-----------|---------------|
| <b>I. Tại Hà Nội:</b> |             |                    |            |           |           |                                         |            |           |               |
| 1                     | 1051        | Nông Văn Hùng      | 24/01/2001 | Nam       | Cao Bằng  | Công nghệ thông tin                     | Ứng dụng   | 5.50      | 5.25          |
| 2                     | 1052        | Nguyễn Ngọc Sáng   | 18/09/1985 | Nam       | Hà Tĩnh   | Công nghệ thông tin                     | Ứng dụng   | 6.50      | 5.50          |
| 3                     | 1053        | Nguyễn Hữu Toàn    | 26/11/1994 | Nam       | Hà Nội    | Công nghệ thông tin                     | Ứng dụng   | 6.50      | 5.50          |
| 4                     | 1054        | Nguyễn Quang Kỳ    | 08/01/2001 | Nam       | Hà Nội    | Kỹ thuật điện tử                        | Nghiên cứu | 9.00      | 6.00          |
| 5                     | 1055        | Nguyễn Tuấn Dương  | 04/12/1996 | Nam       | Thanh Hóa | Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa      | Nghiên cứu | 6.50      | 9.00          |
| 6                     | 1056        | Lương Sỹ Hoàng Anh | 20/11/2002 | Nam       | Thanh Hóa | Kỹ thuật ô tô                           | Ứng dụng   | 5.50      | 8.50          |
| 7                     | 1057        | Nguyễn Tuấn Thành  | 06/09/1999 | Nam       | Phú Thọ   | Kỹ thuật ô tô                           | Ứng dụng   | 6.50      | 8.50          |
| 8                     | 1058        | Mai Khả Tuấn       | 05/08/2001 | Nam       | Ninh Bình | Kỹ thuật xây dựng                       | Nghiên cứu | 6.50      | 6.50          |
| 9                     | 1059        | Lê Hoàng Tuấn Anh  | 14/05/2001 | Nam       | Ninh Bình | Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông | Ứng dụng   | 9.00      | 5.00          |
| 10                    | 1060        | Nguyễn Việt Hà     | 31/08/1998 | Nam       | Nghệ An   | Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông | Ứng dụng   | 8.50      | 5.50          |
| 11                    | 1061        | Nguyễn Công Hải    | 23/11/2001 | Nam       | Hải Phòng | Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông | Ứng dụng   | 7.00      | 5.00          |
| 12                    | 1062        | Chữ Đại Hiệp       | 05/12/1998 | Nam       | Hà Nội    | Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông | Ứng dụng   | 5.50      | 5.00          |
| 13                    | 1063        | Phùng Công Khoa    | 23/02/2000 | Nam       | Hà Nội    | Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông | Ứng dụng   | 6.50      | 5.00          |
| 14                    | 1064        | Ngô Mạnh Lâm       | 28/09/1994 | Nam       | Phú Thọ   | Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông | Ứng dụng   | 9.50      | 6.50          |
| 15                    | 1065        | An Thị Thùy Trang  | 30/09/1993 | Nữ        | Hà Nội    | Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông | Ứng dụng   | 8.00      | 6.00          |
| 16                    | 1066        | Lê Quý An          | 31/10/1993 | Nam       | Hà Nội    | Quản lý xây dựng                        | Ứng dụng   | 7.00      | 8.00          |
| 17                    | 1067        | Tạ Thu An          | 16/09/2001 | Nữ        | Hưng Yên  | Quản lý xây dựng                        | Ứng dụng   | 7.50      | 5.50          |
| 18                    | 1068        | Lương Văn An       | 27/01/2002 | Nam       | Hà Nội    | Quản lý xây dựng                        | Ứng dụng   | 7.50      | 7.00          |
| 19                    | 1069        | Phạm Văn Đoàn      | 11/11/1999 | Nam       | Thanh Hóa | Quản lý xây dựng                        | Ứng dụng   | 9.50      | 9.00          |
| 20                    | 1070        | Phạm Trung Hiếu    | 08/06/2001 | Nam       | Hà Nội    | Quản lý xây dựng                        | Ứng dụng   | 7.00      | 7.00          |
| 21                    | 1071        | Trịnh Quốc Hưng    | 18/08/2002 | Nam       | Bắc Ninh  | Quản lý xây dựng                        | Ứng dụng   | 6.00      | 9.00          |
| 22                    | 1072        | Nguyễn Quốc Khánh  | 02/09/2002 | Nam       | Nghệ An   | Quản lý xây dựng                        | Ứng dụng   | 6.25      | 9.50          |
| 23                    | 1073        | Đỗ Bá Tùng Lâm     | 07/06/2001 | Nam       | Phú Thọ   | Quản lý xây dựng                        | Ứng dụng   | 7.25      | 8.50          |
| 24                    | 1074        | Lê Anh Nhật        | 17/08/2003 | Nam       | Hà Nội    | Quản lý xây dựng                        | Ứng dụng   | 8.00      | 9.00          |
| 25                    | 1075        | Phạm Anh Quân      | 22/09/2002 | Nam       | Nam Định  | Quản lý xây dựng                        | Ứng dụng   | 8.00      | 9.50          |

| TT                               | Số báo danh | Họ và tên             | Ngày sinh  | Giới tính | Nơi sinh          | Ngành đăng ký thi tuyển    | Định hướng | Điểm Toán | Điểm Chủ chốt |
|----------------------------------|-------------|-----------------------|------------|-----------|-------------------|----------------------------|------------|-----------|---------------|
| 26                               | 1076        | Lý Hương Quỳnh        | 28/12/2001 | Nữ        | Hà Giang          | Quản lý xây dựng           | Ứng dụng   | 7.00      | 8.00          |
| 27                               | 1077        | Trần Minh Tuấn        | 21/10/2000 | Nam       | Hà Nội            | Quản lý xây dựng           | Ứng dụng   | 6.75      | 8.00          |
| 28                               | 1078        | Lâm Thanh Tùng        | 02/09/2000 | Nam       | Ninh Bình         | Quản lý xây dựng           | Ứng dụng   | 7.00      | 8.50          |
| 29                               | 1079        | Trần Tiến Thùy        | 12/04/1993 | Nam       | Ninh Bình         | Quản lý xây dựng           | Ứng dụng   | 9.00      | 8.00          |
| 30                               | 1080        | Nguyễn Văn Thường     | 07/05/2000 | Nam       | Hà Nam            | Quản lý xây dựng           | Ứng dụng   | 9.50      | 7.00          |
| 31                               | 1081        | Hứa Thùy Trang        | 26/10/2001 | Nữ        | Yên Bái           | Quản lý xây dựng           | Ứng dụng   | 8.00      | 6.50          |
| 32                               | 1082        | Nguyễn Văn Việt       | 07/08/2002 | Nam       | Hà Nội            | Quản lý xây dựng           | Ứng dụng   | 8.50      | 6.00          |
| 33                               | 1083        | Đỗ Hoàng Duy Anh      | 27/11/2003 | Nam       | Hà Nội            | Tổ chức và quản lý vận tải | Nghiên cứu | 9.50      | 5.50          |
| 34                               | 1084        | Trần Văn Hiếu         | 24/10/2003 | Nam       | Hà Nội            | Tổ chức và quản lý vận tải | Nghiên cứu | 9.50      | 5.50          |
| 35                               | 1085        | Nguyễn Phương Anh     | 25/11/2003 | Nữ        | Hà Nội            | Quản trị kinh doanh        | Ứng dụng   | 7.50      | 7.50          |
| 36                               | 1086        | Tạ Vũ Ngọc Hà         | 16/01/1975 | Nam       | Hà Nội            | Quản trị kinh doanh        | Ứng dụng   | 6.50      | 8.00          |
| 37                               | 1087        | Trần Phi Yến          | 05/07/2001 | Nữ        | Hà Nội            | Quản trị kinh doanh        | Ứng dụng   | 7.00      | 7.50          |
| 38                               | 1088        | Trần Anh Nguyên       | 02/06/1989 | Nam       | Hà Nội            | Quản lý kinh tế            | Nghiên cứu | 7.00      | 7.75          |
| <b>II. Phân hiệu tại TP.HCM:</b> |             |                       |            |           |                   |                            |            |           |               |
| 1                                | 701         | Nguyễn Lê Hữu Đạt     | 23/10/1998 | Nam       | Lâm Đồng          | Quản lý xây dựng           | Ứng dụng   | 5.00      | 7.50          |
| 2                                | 702         | Nguyễn Ngọc Huy       | 30/04/1972 | Nam       | Hà Nội            | Quản lý xây dựng           | Ứng dụng   | 6.50      | 5.00          |
| 3                                | 703         | Nguyễn Thị Phương Lan | 10/08/1998 | Nữ        | Kon Tum           | Quản lý xây dựng           | Ứng dụng   | 5.50      | 7.50          |
| 4                                | 704         | Nguyễn Thị Linh Nhi   | 18/10/2002 | Nữ        | Quảng Ngãi        | Quản lý xây dựng           | Ứng dụng   | 5.50      | 7.00          |
| 5                                | 705         | Phạm Trần Phú         | 18/04/2002 | Nam       | Tp Hồ Chí Minh    | Quản lý xây dựng           | Ứng dụng   | 6.00      | 7.50          |
| 6                                | 706         | Võ Phan Sang          | 23/12/1998 | Nam       | Bà Rịa - Vũng Tàu | Quản lý xây dựng           | Ứng dụng   | 5.50      | 7.00          |
| 7                                | 707         | Nguyễn Tỷ Tiên        | 03/09/2001 | Nam       | Đồng Nai          | Quản lý xây dựng           | Ứng dụng   | 6.00      | 8.50          |
| 8                                | 708         | Lưu Nhật Toàn         | 01/12/2002 | Nam       | Phú Yên           | Quản lý xây dựng           | Ứng dụng   | 6.50      | 7.50          |

**KT. HIỆU TRƯỞNG**  
**PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

**PGS.TS. Lê Hoài Đức**